

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH Đ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/4/2019
V/v: Tranh chấp HNGĐ

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH Đ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Quàng Văn Xô**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Khoàng Văn Hặc.**
2. Ông: **Nguyễn Xuân Hoàng.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phìn Đại Quảng** – Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M: Bà Lê Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TL - ST ngày 10/01/2019 về tranh chấp HNGĐ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX-ST ngày 08/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh X - Sinh năm 1982.

Trú tại: Bản T, xã M, huyện M, tỉnh Đ

Bị đơn: Anh Lò Văn T - Sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: Bản T, xã M, huyện M, tỉnh Đ (hiện đang chấp hành án tại Trại giam S đóng tại xã C, huyện B, thành phố H).

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh X có mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Lò Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tự khai đề ngày 07/01/2019 của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh X trình bày:

Chị X và anh T sau khi tìm hiểu đến ngày 24 tháng 7 năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đ, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình và trong cuộc sống nhiều bất đồng mâu thuẫn ngày càng tăng. Ngày 07/6/2017 anh T bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện N xử

tuyên phạt 06 năm tù, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam S đóng tại xã C, huyện B, thành phố H. Chị X cho rằng tình cảm của chị đối với anh T không còn cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung: Cháu Lò Minh K – Sinh ngày 22 tháng 8 năm 2014, chị X có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, nợ phải trả, nợ phải thu về: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản nghị lời khai của anh Lò Văn T ngày 27/3/2019, tại trại giam S- Cục C10- Bộ Công an, đóng tại xã C, huyện B, thành phố H như sau:

Anh T kết hôn với chị Phạm Thị Thanh X trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đ vào ngày 24/7/2013. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến ngày 07/6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Toàn bị Công an huyện N bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tạm giam từ đó vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống không được hạnh phúc và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị X có đơn xin ly hôn với anh T, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị X, vì hiện nay anh T đang phải chấp hành án nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T nhất trí với ý kiến nguyện vọng của chị X. Sau này anh chấp hành án xong anh sẽ làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau.

Về tài sản chung, riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, nợ phải trả, nợ phải thu về: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại nơi cư trú của anh T và chị X ngày 12/3/2019, thể hiện sau khi kết hôn thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, năm 2014 sinh được 01 cháu là Lò Minh K, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T mãi chơi bời không quan tâm vợ con, ngày 07/6/2017 anh T Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Công an huyện N bắt và khởi tố, bị Tòa án nhân dân huyện N xét xử và tuyên phạt 06 năm tù giam. Hiện nay T đang chấp hành án tại Trại giam S đóng tại xã C, huyện B, thành phố Hi.

Tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39/BLTTDS năm 2015; Điều 8, Điều 9,

Điều 51, 53, 54 và Điều 56, 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh X. Tuyên xử cho chị Phạm Thị Thanh X được ly hôn với anh Lò Văn T. Giao cháu Lò Minh K – Sinh ngày 22 tháng 8 năm 2014, cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và ghi nhận việc chị X không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nơi ĐKNKTT của bị đơn (Lò Văn T), ở bản T, xã M, huyện M, tỉnh Đ (hiện đang chấp hành án tại Trại giam S đóng tại xã C, huyện B, thành phố H). Vậy, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng vì bị đơn Lò Văn T đang phải chấp án tại Trại giam S đóng tại xã C, huyện B, thành phố H không thể tham gia được do vậy anh T đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc mà tòa án triệu tập. Vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của anh Lò Văn T theo quy định của pháp luật.

Xét về hôn nhân:

[2.]. Anh T và chị X sau khi tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn ngày 24/7/2013, tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc tuân thủ các quy định của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Vậy, hôn nhân giữa anh T và chị X là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà thuận, hạnh phúc từ năm 2013 đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Toàn chơi bời nghiện ma túy, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên tòa chị X vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy cho đến nay tình cảm của chị X và anh T không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị X có đơn xin ly hôn với anh T, anh T cũng nhất trí nên HĐXX chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của chị X đối với anh T. Tuyên xử cho chị X được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Xét về con chung:

[3.]. Chị X, anh T có 01 con chung: Cháu Cháu Lò Minh K – Sinh ngày 22

tháng 8 năm 2014, chị X có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T nhất trí với nguyện vọng của chị X. Nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam S đóng tại xã C, huyện B, thành phố H. Vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và phát triển bình thường của cháu nên cần chấp nhận nguyện vọng được nuôi con của chị X.

[4.]. Xét về tài sản chung và công nợ:

Chị X và anh T đều khai và thống không có tài sản chung, công nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vậy HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Thanh X phải chịu án dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*) Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39/BLTTDS năm 2015;

*) Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, 53, 54 và Điều 56, 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

*) Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh X. Chị Phạm Thị Thanh X được ly hôn với anh Lò Văn T.

2.Về con chung: Giao cháu Lò Minh K – Sinh ngày 22 tháng 8 năm 2014 cho chị Phạm Thị Thanh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Ghi nhận việc chị X không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

(Vì lợi ích của con các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi các đương sự có yêu cầu).

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Thanh X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị X đã nộp tại biên lai số: AB/2010/00334 ngày 07/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đ. Chị Phạm Thị Thanh X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết

bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh ĐB;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quàng Văn Xôm

